

Số: 96/2021/QĐST-HNGĐ

Cao Bằng, ngày 02 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Bà Trần Lê N** – Sinh năm: 1984.

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Quốc P** – Sinh năm: 1981.

Trú tại: Tổ 07, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 07 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 07 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Bà Trần Lê N** – Sinh năm: 1984

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- **Ông Nguyễn Quốc P** – Sinh năm: 1981.

Trú tại: Tổ 07, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Lê N và ông Nguyễn Quốc P.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Lê V (giới tính nữ) sinh ngày 13/10/2009 và cháu Nguyễn Trần Diễm N (giới tính nữ) sinh ngày 07/08/2015. Hai bên đương sự tự nguyện, thoả thuận bà Trần Lê N sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Quốc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Các bên đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Trần Lê N và ông Nguyễn Quốc P mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn để sung công quỹ nhà nước. Ngoài ra, ông Nguyễn Quốc P còn phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Lê N tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận bà Trần Lê N đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0001067 ngày 16/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Bà Trần Lê N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP CB;
- UBND P. TG, TP. CB;
- UBND TT BL, huyện BL;
- Chi cục THADS TP CB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bế Lan Phương